

Ngày : 09/10/2017.

*(V/v. Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Lê Vũ Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lê Anh Hiến

2. Bà Hồ Thị Linh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Hoa – Cán bộ
Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tham gia phiên tòa: Ông
Phan Anh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2017-TL-DSST ngày
14/7/2017 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 11/2017/QĐST-TCHĐVTS ngày 08/09/2017 của Tòa án nhân dân thị
xã Hương Trà giữa :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949.

Nơi cư trú : Số nhà 86 Hàn T, phường Thuận T, thành phố H, TT Huế.
Đương sự có mặt tại phiên tòa .

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q(tên thường gọi : Nguyễn Văn T), sinh năm
1971.Nơi cư trú : 21/1 (số mới 82) Địa L, xã Hương V, thị xã Hương T, TT
Huế.Đương sự vắng mặt lần hai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1973.

Nơi cư trú : 21/1 (số mới 82) Địa L, xã Hương V, thị xã Hương T, TT Huế.
Đương sự có mặt.

2. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1943.

Nơi cư trú : Số nhà 86 Hàn T, phường Thuận T, thành phố H, TT Huế.
Đương sự vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 12/07/2017 và bản tự khai của bà Nguyễn
Thị L thấy rằng : Vào năm 2014 do quen biết nên bà L có cho vợ, chồng ông
Nguyễn Văn Q(Th) và bà Nguyễn Thị Y mượn số tiền 80.000.000 đồng, hẹn trả
vào ngày 30/4/2015 có viết giấy tay hẹn trả nợ. Khi giao tiền thì bà Y là người
nhận tiền còn ông Q (Th) viết giấy nhận nợ, nhưng đến hạn trả vợ, chồng ông Q (Th) không thực hiện theo như cam kết. Đã nhiều lần bà Lan đến yêu cầu trả lại tiền
nhưng vợ, chồng ông Q (Th) không trả. Vì vậy, bà L có đơn gửi Tòa án yêu cầu

buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q(Th) phải trả lại số tiền vay 80.000.000 đồng và lãi suất theo quy định ngân hàng từ 20/4/2015 đến 30/5/2017 là 21.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến hòa giải nhưng bị đơn cố tình không đến để giải quyết, chỉ có bà Y đến.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2017 của bà Nguyễn Thị Y cũng xác nhận năm 2014 có mượn của bà L nhiều lần và đến khi chốt lại tiền nợ cả gốc và lãi là 80.000.000 đồng để buôn bán, nhưng do làm ăn thua lỗ nên không trả được tiền cho bà L; nay bà L kiên đòi vợ, chồng bà Y trả số nợ 80.000.000 đồng, thì bà Y đồng ý nhưng do khó khăn nên xin trả cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng, còn tiền lãi thì bà Y xin không trả lãi cho bà L. Bà L không đồng ý.

Bà Y cũng xác nhận chồng bà là ông Nguyễn Văn Q có tên thường gọi là Nguyễn Văn T là người viết giấy nhận nợ với bà L.

Tại phiên tòa ngày 20/9/2017, sau khi hoãn phiên tòa do vắng mặt bị đơn, bà L đã tự nguyện viết đơn yêu cầu bổ sung gửi Tòa án có ý kiến là chỉ yêu cầu vợ chồng ông Q (Th) phải trả lại tiền gốc 80.000.000đ cho bà L và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và các đương sự tham gia phiên tòa. Phát biểu quan điểm về vụ án : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Q (Th) và bà Y có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ gốc 80.000.000đ, và chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả hỏi tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định :

Về thủ tục tố tụng : Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn T) vắng mặt lần hai không có lý do, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung : Vào năm 2014 bà Nguyễn Thị L có cho vợ, chồng ông Nguyễn Văn Q(Th), bà Nguyễn Thị Y mượn số tiền 80.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 30/4/2015 có viết giấy tay hẹn trả nợ. Khi giao tiền thì bà Y là người nhận tiền và ông Q (Th) viết giấy nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án tuy ông Q (Th) không đến Tòa án nhưng vợ là bà Y có đến Tòa và đã xác nhận việc vay mượn xảy ra như trên là đúng.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc vợ, chồng ông Nguyễn Văn Q(Th) và bà Nguyễn Thị Y phải trả số tiền mượn 80.000.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình hòa giải, bà Y cho rằng do làm ăn thua lỗ nên xin trả dần số nợ trên mỗi tháng 1.000.000đ, nhưng bà L không đồng ý. Vì vậy, cần chấp nhận việc bà L buộc vợ, chồng ông Nguyễn Văn Q(Th) và bà Nguyễn Thị Y phải trả 80.000.000 đồng tiền vay.

Về lãi suất, do nguyên đơn đã tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm : Vợ, chồng ông Nguyễn Văn Q(Th) và bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 473, 474 Bộ luật dân sự.

Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc vợ, chồng ông Nguyễn Văn Q(Nguyễn Văn T) và bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Vợ, chồng ông Nguyễn Văn Q(Th) và bà Nguyễn Thị Y chịu án phí tranh chấp là $(80.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.000.000 \text{ đ.}$

Bà Nguyễn Thị L được trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.525.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 009658 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành án các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Thừa Thiên Huế;
- VKSND;
- THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến